TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2023/HS-ST
Ngày: 12/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

- *Các Hội Thẩm nhân dân*: Ông **Huỳnh Văn Hồng**

Bà **Trần Thị Thu Hà**

- *Thư ký ghi biên bản phiên*: Bà **Lý Ngọc Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Ngọc Lưỡng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/ QĐXXST-HS *ngày 06 tháng 3 năm 2023* đối với bị cáo:

Nguyễn T, sinh năm 1975; Nơi sinh tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn B, sinh năm 1948 (chết) và bà Nguyễn D, sinh năm 1949 (chết) ; Con: có 02 người lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại tòa.

* **Bị hại**: Nguyễn S, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/01/2020 Nguyễn T, sinh năm 1975 ngụ ấp T, xã A huyện Vũng Liêm, ký hợp đồng với Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam để vay tiền mua xe nhãn hiệu Airblade và góp mỗi tháng số tiền 2.504.000 đồng. Sau khi làm thủ tục, T được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64

D1-548.73. T đã giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho Công ty tài chính giữ và sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe bản pho to để điều khiển xe tham gia giao thông. Đến khoảng tháng 3 năm 2022, T đi làm thuê tại tỉnh B. Tại đây, T đưa giấy đăng ký xe mô tô 64 D1- 548.73 bản pho to, nhờ người tên N (không rõ họ tên, địa chỉ) làm giả giấy đăng ký xe mô tô 64 D1- 548.73 để sử dụng khi điều khiển xe tham gia giao thông. Đến khoảng tháng 8/2022, T nghỉ làm và về sinh sống tại địa phương xã A.

Ngày 25/9/2022 do cần tiền tiêu xài cá nhân, T mang xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64 D1- 548.73 giả, đến tiệm cầm đồ "Bảo S" thuộc ấp X, xã T, huyện V do anh Nguyễn S, sinh năm 1974 ngụ ấp T, Thị trấn V, huyện V làm chủ. T cầm xe và giấy đăng ký giả cho anh S với số tiền 12.000.000 đồng, anh S không biết giấy chứng nhận đăng ký xe là giả. Do không có tiền chuộc lại xe, nên đến ngày 10/10/2022 T tiếp tục đến tiệm cầm đồ và bán xe cho anh S với số tiền 24.500.000 đồng, thì anh S đồng ý mua.

Ngày 12/10/2022 anh Sơn và T đến Đội cảnh sát giao thông Công an huyện V làm thủ tục đăng ký sang tên thì bị phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64 D1- 548.73 là giấy giả. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V thụ lý giải quyết.

Tại kết luận giám định số 866/KL-KTHS ngày 28/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 042427, tên chủ xe Nguyễn T, địa chỉ: T, xã A, huyện L cấp ngày 07/01/2020 là giả.

Quá trình điều tra Nguyễn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp biên bản thu giữ tang vật, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy giả: Do T sử dụng giấy giả làm công cụ thực hiện tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không xử lý.

Đối với người tên N không rõ họ tên địa chỉ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũng Liêm tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn T đã nhận lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64D1-548.73 từ Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam. Sau đó T đã giao cho anh Nguyễn S 01 giấy đăng ký xe bản gốc và xe mô tô 64D1-548.73 như thỏa thuận mua bán xong, anh S không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn T đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn T có mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm Về tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn T đã nhận lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64D1-548.73 từ Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam. Sau đó T đã giao cho anh Nguyễn S 01 giấy đăng ký xe bản gốc và xe mô tô 64D1-548.73 như thỏa thuận mua bán xong, anh S không có yêu cầu gì khác.

Về vật chứng: Không xem xét

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn T phải chịu án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn T đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận vào ngày 25/9/2022 do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã có hành vi gian dối sử dụng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 64D1-548.73 giả cùng với xe mô tô hiệu Ariblade biển số 64 D1-548.73 đến tiệm cầm đồ "Bảo S" thuộc ấp X, xã T, huyện V, do anh Nguyễn S, sinh năm 1974, ngụ ấp R, Thị trấn V, huyện V, làm chủ. T cầm xe và giấy đăng ký giả cho anh S với số tiền 12.000.000 đồng, anh S không biết giấy chứng nhận đăng ký xe là giả. Do không có tiền chuộc lại xe, nên đến ngày 10/10/2022 T tiếp tục đến tiệm cầm đồ và bán xe cho anh S với số tiền 24.500.000 đồng.

[3] Lời trình bày và lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Nguyễn T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64 D1-548.73 giả để tạo lòng tin cho bị hại để bị cáo cầm xe mô tô 64D1- 548.73 cho bị hại Nguyễn S nhằm chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng vào ngày 25/9/2022 và sau đó bị cáo tiếp tục bán xe mô tô 64D1- 548.73 cho bị hại với số tiền 24.500.000 đồng, chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tôi lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng: không

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tiến phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án 12/4/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án.

Riêng bị hại, vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- CQĐT Công an huyện V;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Sở tư pháp;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền